

Số: 152/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-KĐCL ngày 21/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 31;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-KĐCL ngày 27/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 31 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 31 ngày 19/12/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Mở Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 86%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Mở Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở Hà Nội.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH




Đinh Văn Toàn

TR
KI
DH.
G

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 152/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD – ĐHQGHN)

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | | Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt | | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt |
| Tiêu chuẩn 1 | | 3.67 | 2 | 66.67% | Tiêu chuẩn 7 | | 4.00 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | | | | Tiêu chí 7.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.2 | 3 | | | | Tiêu chí 7.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.3 | 4 | | | | Tiêu chí 7.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 2 | | 3.67 | 2 | 66.67% | Tiêu chí 7.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 2.1 | 4 | | | | Tiêu chí 7.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 2.2 | 3 | | | | Tiêu chuẩn 8 | | | | |
| Tiêu chí 2.3 | 4 | 3.67 | 2 | 66.67% | Tiêu chí 8.1 | 4 | 3.80 | 4 | 80% |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | | Tiêu chí 8.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.1 | 4 | | | | Tiêu chí 8.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.2 | 3 | | | | Tiêu chí 8.4 | 3 | | | |
| Tiêu chí 3.3 | 4 | | | | Tiêu chí 8.5 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 4 | | 4.00 | 3 | 100% | Tiêu chuẩn 9 | | 4.00 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 4.1 | 4 | | | | Tiêu chí 9.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 4.2 | 4 | | | | Tiêu chí 9.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 4.3 | 4 | 3.80 | 4 | 80% | Tiêu chí 9.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | | Tiêu chí 9.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.1 | 4 | | | | Tiêu chí 9.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.2 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 10 | | | | |
| Tiêu chí 5.3 | 3 | 3.86 | 6 | 85.71% | Tiêu chí 10.1 | 4 | 4.00 | 6 | 100% |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | | | | Tiêu chí 10.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | | | | Tiêu chí 10.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 6 | | | | | Tiêu chí 10.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.1 | 3 | | | | Tiêu chí 10.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.2 | 4 | | | | Tiêu chí 10.6 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | 3.80 | 4 | 80% | Tiêu chuẩn 11 | | | | |
| Tiêu chí 6.4 | 4 | | | | Tiêu chí 11.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | | | | Tiêu chí 11.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | | | | Tiêu chí 11.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.7 | 4 | | | | Tiêu chí 11.4 | 3 | | | |
| | | | | | Tiêu chí 11.5 | 4 | | | |
| Đánh giá chung CTĐT | | Số tiêu chí đạt | | | Tỉ lệ số tiêu chí đạt | | | | |
| | | 43 | | | 86% | | | | |

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 152/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin (CTĐT) của Trường Đại học Mở Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được rà soát, cập nhật, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và hướng đến thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường; được công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có đủ các thông tin cốt lõi về CTĐT và học phần, được cập nhật và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, cấu trúc của chương trình dạy học gắn kết, trình tự thực hiện logic, được rà soát trên cơ sở ý kiến các bên liên quan và đối sánh với các CTĐT ở các trường đại học khác. Triết lý giáo dục của Trường được phổ biến đến các bên liên quan; phương pháp dạy-học khá đa dạng và phù hợp nhằm đạt chuẩn đầu ra của học phần; người học được tạo điều kiện tham gia ngoại khóa, thực hành, thực tập tại cơ sở ngoài trường để rèn luyện kỹ năng. Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, được quy định và phổ biến đến người học. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được quan tâm; kết quả giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên được quản trị, đánh giá và ghi nhận. Chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật. Hệ thống giám sát tiến độ học tập và kết quả học tập khá đa dạng và thực hiện hiệu quả. Cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng được đầu tư; phòng thực hành và các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, giám sát. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm; nhà sử dụng lao động hài lòng với chất lượng người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Đánh giá toàn diện về thị trường lao động trong lĩnh vực Công nghệ thông tin ở khu vực ASEAN và trên cả nước để tìm hiểu, phân tích và đánh giá nhu cầu nhân lực cho lĩnh vực này để điều chỉnh mục tiêu đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội; thể hiện rõ

hơn năng lực dẫn dắt người khác thực hiện chuyên môn về công nghệ thông tin; điều chỉnh một số chuẩn đầu ra để thuận lợi trong việc đo lường và đánh giá; có giải pháp để mở rộng phạm vi của các nhóm đối tượng khảo sát ý kiến, bao gồm các nhà tuyển dụng lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các tổ chức xã hội nghề nghiệp nhằm gia tăng độ tin cậy của các thông tin thu thập được.

2. Rà soát đề cương học phần đảm bảo tính logic và tương thích giữa nội dung của từng chương mục với chuẩn đầu ra của học phần một cách khoa học bao gồm các phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá; cập nhật đầy đủ thông tin của học phần theo các quy định; nghiên cứu cách thức thể hiện các thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên website với giao diện thân thiện đảm bảo dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu của các bên liên quan.

3. Rà soát học phần và chương trình dạy học thể hiện phù hợp mức độ đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra của CTĐT, bao gồm tổ hợp phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá; sử dụng hiệu quả các thông tin so chuẩn và đối sánh CTĐT của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để cập nhật chương trình dạy học.

4. Có hướng dẫn cụ thể và chuyển tải đầy đủ nội dung triết lý giáo dục trong việc thiết kế CTĐT; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin bao gồm hệ thống LMS để đa dạng hoạt động dạy và học để hướng đến chuẩn đầu ra; định kỳ đánh giá hiệu quả của pháp dạy học một cách bài bản hơn để có căn cứ cải tiến hoạt động dạy - học; tăng cường học tập trải nghiệm, khuyến khích học viên tham gia nghiên cứu khoa học; tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của người học.

5. Đa dạng các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học để tạo thuận lợi và linh hoạt cho người học trong tình hình mới; rà soát quy định và hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi thi để đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; phân tích kết quả thi, để có căn cứ điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần và của CTĐT; xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đủ lớn, bao quát nội dung đề cương học phần; thiết lập hệ thống kiểm tra đánh giá, quy trình xây dựng, thẩm định các ngân hàng/đề thi một cách khoa học, phù hợp với xu thế mới, hiện đại; rà soát, đánh giá và lấy ý kiến phản hồi của người học về phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá cũng như kết quả thi để đánh giá được độ tin cậy của đề thi; đầu tư nâng cao hiệu quả việc đánh giá kết thúc học phần bằng hình thức đồ án môn học, tiểu luận môn học, đồ án tốt nghiệp.

6. Sớm bổ nhiệm phó giáo sư chuyên ngành công nghệ thông tin là giảng viên cơ hữu quản lý CTĐT theo quy định; có chính sách tuyển dụng, đãi ngộ và đào tạo phù hợp để có đội ngũ cán bộ đầu ngành và giảng viên có trình độ cao đúng ngành đào tạo; có cơ chế khuyến khích giảng viên trẻ trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế và giao lưu, hợp tác đối tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; quy định cụ thể quy đổi khối lượng công

việc của giảng viên, đặc biệt ở các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong chế độ làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên để cải tiến đánh giá và ghi nhận, đãi ngộ; có cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích, thúc đẩy cán bộ, giảng viên, nhất là giảng viên trẻ tích cực nghiên cứu, phát triển công nghệ và tăng công bố khoa học.

7. Rà soát quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với tầm nhìn, chiến lược phát triển các giai đoạn và lĩnh vực hoạt động; có chính sách ưu đãi để tuyển dụng đội ngũ nhân viên có năng lực theo vị trí công việc; nghiên cứu xây dựng hệ thống KPIs và đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ gắn với đãi ngộ; đánh giá, đào tạo theo tiếp cận năng lực của vị trí công việc và tăng cường ứng dụng công nghệ để nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ, hỗ trợ CTĐT.

8. Khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực và phân tích, dự báo để điều chỉnh chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh; phân tích, đối sánh kết quả học tập của học viên tuyển từ các ngành gần để đánh giá mức độ phù hợp, độ tin cậy của các tiêu chí tuyển sinh từ đó có biện pháp cải tiến, điều chỉnh cho phù hợp; tiếp tục đa dạng hóa và đổi mới phương thức truyền thông về CTĐT; tăng cường phối hợp với các nhà sử dụng lao động và đẩy mạnh truyền thông nội bộ để tăng nguồn đầu vào từ người học tốt nghiệp đại học; rà soát quy trình, thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu về sự tiến bộ của học viên để có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ giảm tỉ lệ thôi học; đầu tư hơn nữa cho hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm thu hút nhiều học viên tham gia, tăng cường kỹ năng nghiên cứu và công bố khoa học cho học viên.

9. Nghiên cứu, có phương án sắp xếp để bố trí chỗ làm việc riêng biệt cho giảng viên đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học; tiếp tục đầu tư phát triển Thư viện để đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn thư viện của cơ sở giáo dục đại học; tăng cường nguồn học liệu bao gồm cả cơ sở dữ liệu điện tử và tài liệu bằng tiếng nước ngoài phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; đầu tư, nâng cấp phòng thực hành, thí nghiệm cho các học phần chuyên ngành của CTĐT; quan tâm hơn đến chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và tổ chức đào tạo, tiếp tục nâng cấp hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm; khuyến khích giảng viên và người học sử dụng LMS để tổ chức giảng dạy kết hợp; rà soát, cập nhật các văn bản, quy trình về công tác vệ sinh môi trường, an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong các khuôn viên.

10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra, cách thức thiết kế chuẩn đầu ra, nội dung chương trình dạy học, các phương pháp dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra; khẩn trương xây dựng bộ công cụ và kế hoạch thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT và đánh giá chuẩn đầu ra các học phần theo quy định để cải tiến chất lượng CTĐT; nghiên cứu áp dụng các công cụ thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi một cách khoa học để phục vụ đánh giá, cải tiến quá trình dạy học và các phương pháp kiểm tra đánh giá; tiếp tục rà soát, đánh giá một cách hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên

quan và chuẩn hoá các công cụ khảo sát đảm bảo độ tin cậy và giá trị của thông tin thu được làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

11. Khảo sát các nhà tuyển dụng thường xuyên và kết hợp thu thập dữ liệu phục vụ mục đích đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học tốt nghiệp để cải tiến; quan tâm khảo sát thông tin về việc làm và cơ hội phát triển của cựu người học; đưa chỉ số về kết quả đầu ra thành các chỉ số thực hiện chính KPIs để giám sát, cải tiến thường xuyên chất lượng CTĐT; áp dụng phương thức đào tạo cá thể hóa, dạy học (hoặc tự học) qua mạng để phù hợp với nhu cầu đào tạo trong kỷ nguyên mới.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. ✓

